Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 14/05/2026 15:06:08 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50/2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 149/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 09/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 141/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục thông báo doanh thu, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, thông báo địa điểm kinh doanh, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại khoản 6 Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Điều 8, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

"2. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x)

với thuế suất là Tờ khai thuế theo Mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT ban hành kèm theo Thông tư này."

Điều 3. Thay thế mẫu biểu

Thay thế Mẫu số 01/TKN-CNKD, Mẫu số 01/CNKD, Mẫu số 01/BĐS, Mẫu số 02/BK-KTBĐS theo danh mục mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC bằng Mẫu số 01/TKN-CNKD, Mẫu số 01/CNKD, Mẫu số 01/BĐS, Mẫu số 02/BK-KTBĐS ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống, chưa nộp hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 hoặc chưa gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC thì gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC chậm nhất là ngày 31 tháng 7 năm 2026.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ sở kinh doanh phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Thuế các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Chi cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng pháp luật quốc gia;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CT (CSeob).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

Mẫu số: **01/TKN-CNKD**
(Kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO DOANH THU/TỜ KHAI THUẾ NĂM

(Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế đề nghị hoàn thuế; cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm)

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế đề nghị hoàn thuế

□ Cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm

□ Cho phép điều chỉnh, bổ sung các tờ khai Mẫu số 01/CNKD đã kê khai theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC, Thông tư số 18/2026/TT-BTC; tờ khai Mẫu số 02/TMĐT đã kê khai theo Nghị định số 117/2025/NĐ-CP

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Năm.....
[01b] 6 tháng đầu năm.....
[01c] 6 tháng cuối năm....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:.... □

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

[06] Tổ chức/cá nhân kê khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[06.1] Mã số thuế: .....

[06.2] Văn bản uỷ quyền (nếu có): Số.....ngày.....tháng.....năm.....

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[07.1] Mã số thuế:.....

A. XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ THUẾ GTGT, TNCN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuế GTGT				Thuế TNCN			Số tiền người nộp thuế trực tiếp nộp vào NSNN		Số tiền do tổ chức khấu trừ, nộp thay		Số thuế phải nộp thêm		Số thuế nộp thừa	
			Tổng doanh thu	Trong đó: doanh thu không chịu thuế GTGT	Trong đó: doanh thu chịu thuế suất 0%	Số thuế phải nộp	Doanh thu chịu thuế	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Số thuế phải nộp	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	**Hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung cấp dịch vụ có địa điểm kinh doanh cố định**	**[08]**															
1.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[08a]															
1.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[08b]															
1.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[08c]															
1.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[08d]															
1.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	[08e]															

1.6	Hoạt động kinh doanh khác	[08g]															
2	**Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác**	**[09]**															
2.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[09a]															
2.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[09b]															
2.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[09c]															
2.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[09d]															
2.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	[09e]															
2.6	Hoạt động kinh doanh khác	[09g]															
3	**Hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp**	**[10]**															
4	**Tổng cộng**	**[11]**															
5	**Số thuế được miễn**	**[12]**															
6	**Số thuế còn phải nộp**	**[13]**															

B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
I	**Trụ sở kinh doanh:**					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	[14a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[14b]				
		...				
II	**Mã địa điểm kinh doanh 1:** **Tên địa điểm kinh doanh 1:**					
...	.....					
	Tổng cộng:	[15]				
	Số thuế được miễn	[16]				
	Số thuế còn phải nộp	[17]				

C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/Hệ số K tính phí BVMT	Số thuế/phí phải nộp

		kinh doanh							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	**Khai thuế tài nguyên**								
1	Tài nguyên C..			**[18a]**					(10)=(7)*(8)*(9)
2	Tài nguyên D..			**[18b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[19]**
	Số thuế được miễn								**[20]**
	Số thuế còn phải nộp								**[21]**
II	**Khai thuế bảo vệ môi trường**								
2.1	Hàng hóa E...			**[22a]**					(10)=(7)*(8)
2.2	Hàng hóa G...			**[22b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[23]**
	Số thuế được miễn								**[24]**
	Số thuế còn phải nộp								**[25]**
III	**Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**								
3.1	Khoáng sản X...			**[26a]**					(10)=(7)*(8)*(9)

3.2	Khoáng sản Y...			**[26b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[27]**
	Số phí được miễn								**[28]**
	Số phí còn phải nộp								**[29]**

D. HỖ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[30]	**[31]**	**[32]**	**[33]**	**[34]**	**[35]**	**[36]**	**[37]**	**[38]**	**[39]**
...									
		Tổng cộng	**[40]**						

E. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA

[41] Đề nghị hoàn trả:

[41.1] Số thuế GTGT: .....

[41.2] Số thuế TNCN: .....

[41.3] Tổng cộng: .....

[42] Hình thức hoàn trả:

[43] ☐ Chuyển khoản.

[43.1] Tên chủ tài khoản: .....

[43.2]Tài khoản số:..... **[43.3]** Tại Ngân hàng/KBNN: .....

[44] ☐ Tiền mặt.

[44.1] Tên người nhận tiền: .....

[44.2] Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: ..... **[44.3]** Ngày cấp:...../...../..... **[44.4]** Nơi cấp: .....

[44.5] Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước .....

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	Mã số thuế	Tên NNT	Số định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiểu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]	[53]	[54]	[55]	[56]	[57]=[55]-[56]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: .....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

Ghi chú:
- Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống thì chỉ thực hiện thông báo doanh thu; không thực hiện khai số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.
- Chỉ tiêu [3.1], [3.2]...tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).
- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Mẫu số: 01/CNKD
(Kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

(Áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng)

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN trên doanh thu tính thuế

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN trên thu nhập tính thuế

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chỉ có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai các loại thuế khác (thuế TTĐB, thuế tài nguyên, thuế/phí bảo vệ môi trường)

□ Trường hợp đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo lần phát sinh

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Tháng .... năm .....

[01b] Quý .... năm .....

[01c] Lần phát sinh .....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:.... □

[04] Người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[06.1] Mã số thuế: .....

[06.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ..... ngày ..... tháng ..... năm.....

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[07.1] Mã số thuế: .....

A. KÊ KHAI THUẾ GTGT, TNCN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Thuế GTGT				Thuế TNCN		
			Tổng doanh thu	Trong đó: doanh thu không chịu thuế GTGT	Trong đó: doanh thu chịu thuế suất 0%	Số thuế phải nộp	Doanh thu chịu thuế	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Số thuế phải nộp
[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
I	**Hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung cấp dịch vụ có địa điểm kinh doanh cố định**								

1	Trụ sở kinh doanh:								
1.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	**(a)**							
1.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	**(b)**							
1.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	**(c)**							
1.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	**(d)**							
1.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	**(đ)**							
1.6	Hoạt động kinh doanh khác	**(e)**							
2	Mã địa điểm kinh doanh 1: Tên địa điểm kinh doanh 1:								
2.1									
....									
II	**Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán**								

	Mã địa điểm kinh doanh: Tên địa điểm kinh doanh:								
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	**(a)**							
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	**(b)**							
3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	**(c)**							
4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	**(d)**							
5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	**(đ)**							
6	Hoạt động kinh doanh khác	**(e)**							
III	**Hoạt động cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh**								
	.....								
IV	**Tổng cộng**	**[18]**							

V	Số thuế được miễn	[19]							
VI	Số thuế còn phải nộp	[20]							

B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
I	Trụ sở kinh doanh:					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	[21a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[21b]				
		...				
II	Mã địa điểm kinh doanh 1: Tên địa điểm kinh doanh 1:					
...	.....					
	Tổng cộng:	[22]				
	Số thuế được miễn	[23]				
	Số thuế còn phải nộp	[24]				

C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm kinh doanh	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/ Hệ số K tính phí BVMT	Số thuế/phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Khai thuế tài nguyên								
1	Tài nguyên C..			[25a]					(10)=(7)*(8)*(9)
2	Tài nguyên D..			[25b]					
	.....								
	Tổng cộng								[26]

	Số thuế được miễn								**[27]**
	Số thuế còn phải nộp								**[28]**
II	**Khai thuế bảo vệ môi trường**								
2.1	Hàng hóa E...			**[29a]**					(10)=(7)*(8)
2.2	Hàng hóa G...			**[29b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[30]**
	Số thuế được miễn								**[31]**
	Số thuế còn phải nộp								**[32]**
III	**Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**								
3.1	Khoáng sản H...			**[33a]**					(10)=(7)*(8)*(9)
3.2	Khoáng sản K...			**[33b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[34]**
	Số phí được miễn								**[35]**
	Số phí còn phải nộp								**[36]**

D. HỖ TRỢ TỰ ĐỘNG THÔNG TIN NỘP THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[37]	**[38]**	**[39]**	**[40]**	**[41]**	**[42]**	**[43]**	**[44]**	**[45]**	**[46]**
...									
Tổng cộng			**[47]**						

Bạn còn được tiếp tục trừ.... đồng vào doanh thu tính thuế TNCN của kỳ tiếp theo

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: .....
Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

Ghi chú:

TNCN: Thu nhập cá nhân

GTGT: Giá trị gia tăng

TTĐB: Tiêu thụ đặc biệt

BVMT: Bảo vệ môi trường

- Chỉ tiêu [01a]: dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu [01b]: dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu [01c]: dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

- Số thuế được miễn: là số tiền thuế phát sinh phải nộp được miễn theo mức quy định của Chính phủ.

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kê khai doanh thu và số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo từng địa điểm kinh doanh.

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kê khai doanh thu từng địa điểm kinh doanh và thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo từng địa điểm kinh doanh, tạm nộp thuế thu nhập cá nhân tại trụ sở chính.

- Chỉ tiêu [14]: Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân trên doanh thu tính thuế có nhiều ngành, nghề kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân khác nhau, có nhiều địa điểm kinh doanh thì được lựa chọn một (01) ngành, nghề hoặc một (01) địa điểm kinh doanh để áp dụng mức trừ 01 tỷ đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân theo phương án có lợi nhất. Trường hợp ngành, nghề, địa điểm kinh doanh được lựa chọn chưa trừ đủ 01 tỷ đồng, cá nhân được tiếp tục lựa chọn thêm ngành, nghề, địa điểm kinh doanh khác để tiếp tục được trừ cho đến khi đủ 01 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu [3.1], [3.2]...tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).

- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

Mẫu số: **01/BĐS**
(Kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO DOANH THU/TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

(Áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản trừ hoạt động kinh doanh lưu trú trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế)

□ Cá nhân cho thuê bất động sản thông báo doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống

□ Cá nhân cho thuê bất động sản có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng

□ Cho phép điều chỉnh, bổ sung các tờ khai cùng kỳ đã kê khai theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC, Thông tư số 18/2026/TT-BTC

[01] Kỳ tính thuế: [01a] 6 tháng đầu năm
[01b] 6 tháng cuối năm
[01c] Năm .....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Số tài khoản ngân hàng/Số hiệu ví điện tử: .....

[06.1] Tên chủ tài khoản: .....

[06.2] Mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: .....

[07] Mã địa điểm kinh doanh nơi nộp tờ khai: .....

[07.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

[07.2] Xã/phường/đặc khu:.....

[07.3] Tỉnh/TP: .....

[08] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[08.1] Mã số thuế: .....

[08.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[09.1] Mã số thuế: .....

A. KÊ KHAI THUẾ GTGT, TNCN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	**[10]**	

2	Doanh thu tính thuế TNCN được trừ	**[11]**	
3	Tổng số thuế GTGT phải nộp [12] = [10] x5%	**[12]**	
6	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ [13]= ([10] – [11]) x 5%	**[13]**	
7	Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng (nếu có)	**[14]**	
8	Tổng số thuế TNCN phải nộp từ nhận tiền phạt, bồi thường (nếu có) [15] = [14] x 5%	**[15]**	
9	Tổng số thuế TNCN phải nộp [16]=[13]+[15]	**[16]**	
10	Số thuế TNCN được miễn	**[17]**	
11	Số thuế TNCN còn phải nộp	**[18]**	
12	Tổng số thuế còn phải nộp [19]=[12]+[18]	**[19]**	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

B. HỖ TRỢ TỰ ĐỘNG THÔNG TIN NỘP THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[20]	**[21]**	**[22]**	**[23]**	**[24]**	**[25]**	**[26]**	**[27]**	**[28]**	**[29]**
1									
...									
Tổng cộng			**[30]**						

Người nộp thuế còn được tiếp tục trừ…. đồng vào doanh thu tính thuế TNCN của kỳ tiếp theo.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng .... năm .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [06], [06.1], [06.2]: khai một lần khi cá nhân chưa gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử với cơ quan thuế hoặc hợp đồng cho thuê bất động sản chưa có thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử.

- Chỉ tiêu [08]: Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự (không bao gồm trường hợp tổ chức là bên đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân).

- Cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố, thực hiện khai thuế tổng hợp chung cho các bất động sản trên một (01) hồ sơ khai thuế và lựa chọn một (01) cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê để nộp hồ sơ khai thuế (trừ trường hợp tổ chức là bên đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay). Cá nhân thực hiện kê khai doanh thu, số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp và nộp thuế theo từng địa điểm nơi có bất động sản cho thuê.

Mẫu số: **02/BK-KTBĐS**
(Kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

(Kèm theo tờ khai 01/TCKT áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản)

[01] Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật quản lý thuế: .....

[02] Mã số thuế: .....

[03] Địa chỉ nơi có bất động sản cho thuê: .....

[03.1] Xã/phường/đặc khu: .....

[03.2] Tỉnh/TP: .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên bên cho thuê bất động sản	Mã số thuế/Số định danh cá nhân của bên cho thuê bất động sản	Địa chỉ bất động sản cho thuê (Số nhà, đường phố/xóm/ấp/ thôn)	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Cá nhân thuộc diện không phải nộp thuế	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế TNCN phải nộp
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]=[08]x5%	[12]=([08]-[09])x5%
1						☐		
...						☐		
Tổng cộng				[13]	[14]		[15]	[16]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [09]: Trường hợp cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê ở các địa điểm khác nhau và có quy định bên đi thuê khai thay, nộp thay thuế, khi lựa chọn hợp đồng cho thuê bất động sản để áp dụng mức được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân, cá nhân cho thuê bất động sản và bên thuê phải quy định rõ trong hợp đồng cho thuê bất động sản nội dung khai thay, nộp thay thuế và số tiền được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp hợp đồng cho thuê bất động sản có quy định khai thay, nộp thay nhưng chưa trừ đủ 01 tỷ đồng thì cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê bất động sản khác để tiếp tục được trừ cho đến khi trừ đủ 01 tỷ đồng.

- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều bất động sản cho thuê thì lập tờ khai theo từng địa bàn xã/phường/đặc khu nơi có bất động sản cho thuê.